

Số: 64 /BC-UBND

Đak Pơ, ngày 08 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO

thực trạng sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp

Thực hiện Công văn số 778/VP-NL ngày 13/3/2020 của Văn phòng UBND tỉnh Gia Lai về việc thống kê báo cáo diện tích sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp và Công văn số 563/SNNPTNT-CCKL ngày 20/3/2020 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc thống kê thực trạng sản xuất nông nghiệp trên đất quy hoạch lâm nghiệp thuộc địa bàn các huyện, thị xã, thành phố. UBND huyện Đak Pơ báo cáo như sau:

MỞ ĐẦU

1. Điều kiện tự nhiên:

a. Vị trí địa lý:

Là huyện được tách ra từ huyện An Khê cũ (nay là thị xã An Khê) theo Nghị định số 155/2003/NĐ-CP ngày 09/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập thị xã An Khê và huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai.

Huyện Đak Pơ thuộc vùng Đông Trường Sơn của tỉnh Gia Lai, nằm cách thành phố Pleiku theo quốc lộ 19 khoảng 80 km và cách thị xã An Khê khoảng 13 km về hướng Tây. Toàn huyện có diện tích tự nhiên là 50.253,21 ha, có tọa độ địa lý nằm trong khoảng từ 108⁰25'00" đến 108⁰47'45" Kinh độ Đông và từ 13⁰74'20" đến 14⁰03'5" Vĩ độ Bắc. Huyện giáp ranh với các đơn vị hành chính: Thị xã An Khê và tỉnh Bình Định về phía Đông; huyện Mang Yang về phía Tây; huyện Kông Chro về phía Nam và huyện K'Bang về phía Bắc. Trên địa bàn huyện có đường Trường Sơn Đông, đường Quốc lộ 19 đi qua, vì vậy Đak Pơ sẽ là cửa ngõ nối liền các huyện thị tỉnh Gia Lai với các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ.

b. Đặc điểm địa hình, khí hậu:

Huyện Đak Pơ nằm ở sườn Đông Trường Sơn, địa hình thấp dần từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông. Địa hình được chia thành 3 dạng, phân thành 3 tiểu vùng khá rõ rệt:

Địa hình núi thấp và trung bình: Phân bố ở phía Đông – Đông Bắc của huyện, diện tích chiếm 38,5% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Độ cao của tiểu vùng này trung bình từ 400 – 450 m, thấp nhất là ở phía Đông giáp với thị xã An Khê.

Địa hình đồi núi cao: Kéo dài từ phía Tây Bắc của huyện giáp huyện Đak Pơ tới phía Nam huyện giáp huyện Kông Chro. Còn phía Tây, theo thung lũng sông Ba giáp với vùng núi xã Ya Hội tới hết ranh giới phía Đông của huyện giáp

với vùng núi thấp tỉnh Bình Định. Bề mặt bằng phẳng độ dốc 3 – 8⁰, sườn dốc 15 – 25⁰. Chân dốc dài đôi là các dòng suối đổ về sông Ba và suối Đak H Way.

Địa hình trũng thấp: Nằm về hướng Đông - Đông Nam huyện, cả vùng đặc trưng bởi kiểu địa hình bóc mòn với các đồi sót tạo thành do hoạt động xâm thực bóc mòn của sông Ba và các phụ lưu. Bề mặt có dạng độ cao bằng phẳng, độ dốc dưới 15⁰. Đất chủ yếu là đất xám trên Granít, tầng dày trên 70 cm, ven sông suối có đất phù sa, dốc tụ. Hiện nay là vùng sản xuất nông nghiệp chủ yếu của huyện với các loại cây trồng chính là mía, hoa màu, lương thực. Những nơi chưa được canh tác là thảm cỏ tự nhiên và cây bụi.

Với vị trí địa lý có tính chất chuyển tiếp giữa vùng duyên hải với Tây Nguyên và vùng trũng Đak Pơ cùng với độ cao địa hình trung bình 400 – 500m nên khí hậu của Đak Pơ mang sắc thái riêng, đó là khí hậu nhiệt đới ẩm chịu ảnh hưởng đồng thời của 2 vùng khí hậu Tây Nguyên và duyên hải, nên nhiệt độ điều hòa hơn. Nhiệt độ trung bình 22 - 25⁰, trong đó: Nhiệt độ tối cao 35⁰C (tháng 6), nhiệt độ tối thấp 19⁰C (tháng 1), đặc biệt có năm xuống 15⁰C.

2. Điều kiện kinh tế, văn hóa - xã hội.

a. Lĩnh vực kinh tế.

Năm 2019, tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh năm 2010) ước thực hiện được 2.037,066 tỷ đồng, đạt 100% KH, tăng 7,58% so với cùng kỳ năm 2018. Cơ cấu giá trị sản xuất tiếp tục chuyển dịch phù hợp, nông - lâm - thủy sản chiếm 48,35%, công nghiệp - xây dựng chiếm 34,10%, thương mại - dịch vụ chiếm 17,55%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 37,289 triệu đồng, bằng 106,68%KH, tăng 14,81% so với cùng kỳ năm 2018.

b. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

Toàn huyện có 23 trường học với 9.562 học sinh; có 13 trường đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 56,52%. Trong năm 2019, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện đã mở 60 lớp với 1.787 học viên tham gia. Huyện có 8.557 gia đình văn hóa, đạt tỉ lệ 78,31%; 46 thôn, làng, tổ dân phố văn hóa, đạt tỷ lệ 85,19%.

Đến cuối năm 2019, toàn huyện còn 656 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 6,0%; 1.060 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 9,7%. Thực hiện tốt công tác lao động việc làm, đến cuối năm 2019, toàn huyện có 1.645 người được giải quyết việc làm, đạt 100,30% kế hoạch. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 83,35% dân số toàn huyện; 1.790 người tham gia bảo hiểm xã hội, đạt 113,65%KH, bằng 6,44% tổng lực lượng tham gia lao động; 968 người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, đạt 100%KH, bằng 3,48% tổng lực lượng tham gia lao động.

Trung tâm Y tế huyện có 50 giường bệnh, đạt tỷ lệ 12,07 giường bệnh/vạn dân (không tính giường bệnh trạm y tế xã); có 20 bác sĩ, đạt 4,83 bác sĩ/vạn dân; 04/8 trạm y tế cấp xã có bác sĩ; 7/8 trạm y tế cấp xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã, đạt tỷ lệ 87,5%.

c. Công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội:

Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định. Thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm soát đảm bảo an ninh trật tự, an ninh nông thôn; tiếp tục thực hiện việc chuyển hóa địa bàn xã, thị trấn trọng điểm, phức tạp về tội phạm, an ninh trật tự trở thành địa bàn ít tội phạm hoặc không có tội phạm, tệ nạn xã hội. Phát động phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, tiếp tục củng cố 06 mô hình phòng chống tội phạm; Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự trên địa bàn. Phát lệnh gọi công dân đủ điều kiện nhập ngũ và tổ chức giao quân năm 2019 đạt 100% chỉ tiêu.

3. Tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp:

a. Về sản xuất nông nghiệp

Quý I năm 2020, thời tiết diễn biến không thuận lợi cho việc gieo trồng và sự sinh trưởng, phát triển của các loại cây trồng trên địa bàn huyện. Toàn huyện đã gieo trồng được 6.729 ha cây trồng các loại, đạt 89,73% (KH). UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các ngành, các địa phương triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp phòng chống hạn cho cây trồng; thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị, địa phương quản lý khai thác các công trình thủy lợi điều tiết hợp lý nguồn nước, tuyên truyền, vận động nhân dân nạo vét hồ chứa, kênh mương, sử dụng tiết kiệm các nguồn nước để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Do ảnh hưởng của thời tiết nắng hạn nên năng suất, sản lượng của hầu hết các loại cây trồng không đạt kế hoạch đề ra; đã xảy ra 07 vụ cháy Mía nguyên liệu tại địa bàn 05 xã, thị trấn, làm thiệt hại 30,06 ha.

Các ngành chức năng tăng cường công tác kiểm tra để phát hiện kịp thời các loại dịch bệnh trên cây trồng và hướng dẫn người dân các biện pháp phòng trừ. Trên các loại cây trồng như: mía, mì, các loại rau... chỉ xảy ra các loại bệnh và sâu gây hại thông thường theo mùa vụ và từng loại cây trồng, người dân đã phòng trừ kịp thời.

Thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống bệnh; Đường dây nóng tiếp nhận thông tin bệnh, xây dựng kế hoạch ngăn chặn, ứng phó khẩn cấp với bệnh và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, tích cực triển khai các biện pháp ngăn chặn bệnh Dịch tả lợn châu Phi xâm nhiễm vào địa bàn huyện. Tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao ý thức tổ chức vệ sinh môi trường, tiêu độc, khử trùng chuồng trại chăn nuôi định kỳ, cơ sở giết mổ, các chợ, vùng có nguy cơ phát sinh bệnh... Thực hiện tốt công tác kiểm soát giết mổ, tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm. Đàn gia súc, gia cầm sinh trưởng và phát triển bình thường, không phát hiện có triệu chứng dịch bệnh.

b. Công tác lâm nghiệp:

Tổ chức 30 đợt tuyên truyền pháp luật cho 1.550 lượt người về quản lý, bảo vệ rừng trong năm 2019. Tăng cường phối hợp với các đơn vị lực lượng vũ trang đứng chân trên địa bàn huyện trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

Năm 2019, tổ chức khoán quản lý bảo vệ rừng 3.341,4 ha, đạt 100%KH; chăm sóc 5.780 ha rừng, đạt 100%KH; tỷ lệ che phủ rừng 44,36%. Lực lượng chức năng tăng cường tuần tra, kiểm soát lâm sản trên các tuyến đường. Trong quý I năm 2020, đã phát hiện, bắt giữ, xử lý 01 vụ vi phạm trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng, thu giữ 3,715m³ gỗ xẻ. Thu bán lâm sản và phương tiện vi phạm của năm 2019: 29.520.000 đồng.

UBND huyện chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với UBND các xã, thị trấn đang tổ chức vận động các hộ gia đình có đất sản xuất trong qui hoạch lâm nghiệp tiến hành đăng ký kê khai để lập hồ sơ đưa vào trồng rừng theo kế hoạch năm 2020 của huyện. Đến ngày 16/3/2020, đã vận động đăng ký kê khai được 40,75ha (29 hộ); cụ thể: xã Hà Tam 08ha (06 hộ); xã Yang Bắc 8,1ha (08 hộ); xã Phú An 19,55ha (12 hộ); xã Ya Hội 3,5 ha (01 hộ); An Thành 1,6ha (02 hộ). Trên cơ sở đã đăng ký, kê khai của hộ gia đình, lực lượng Kiểm lâm địa bàn đang cùng với UBND các xã tiến hành kiểm tra xác định vị trí, diện tích, phân loại đối tượng, lập danh sách gửi về Ban quản lý dự án huyện để kiểm tra rà soát lại và tiến hành đo đạc và lập hồ sơ đăng ký trồng rừng theo qui định.

Phần 1

THỰC TRẠNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐẤT LÂM NGHIỆP VÀ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI VÙNG TÂY NGUYÊN

I. Thực trạng sử dụng đất, sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp

1. Thực trạng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp:

a. Phân loại theo phân loại rừng:

Tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh là: 24.159,69 ha. Trong đó:

- Đất rừng phòng hộ: 10.402,78 ha;
- Đất rừng sản xuất: 13.756,91 ha.

Qua kiểm tra, rà soát hiện có 3.303,37 ha đất người dân đang sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp. Trong đó:

- Trên đất rừng phòng hộ: 1.179,37 ha;
- Trên đất rừng sản xuất: 2.124 ha.

b. Phân loại theo loại cây trồng:

Diện tích sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp chủ yếu trồng các loại cây nông nghiệp ngắn ngày như: Mía, Mỳ, Bắp... với tổng diện tích: 3.303,37ha. Trong đó đến nay, đã vận động được người dân trồng rừng sản xuất (*Keo, Bạch đàn từ năm 2017*) theo Quyết định 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng, với diện tích: 528,38 ha (*các xã quản lý: 483,18ha; Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc An Khê quản lý: 45,20ha*), nhưng chưa thành rừng.

c. Phân loại theo đối tượng sử dụng:

Đối tượng sử dụng diện tích sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp chủ yếu là các cá nhân, hộ gia đình người địa phương và người dân di cư từ các

huyện, thị lân cận và từ tỉnh Bình Định đến. Năm 2011, có 334 hộ (273 hộ tại chỗ và 61 hộ di cư đến). Năm 2019, có 682 hộ (514 hộ tại chỗ và 168 hộ di cư đến).

d. Phân loại trước và sau thực hiện quy hoạch lâm nghiệp:

Diện tích người dân sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp có trước khi thực hiện quy hoạch lâm nghiệp (theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

2. Đất ở, đất khu dân cư trong quy hoạch đất lâm nghiệp:

Trên địa bàn huyện, không có diện tích đất ở, đất khu dân cư trong quy hoạch đất lâm nghiệp.

3. Nguyên nhân:

a. Khách quan

- Áp lực dân số tăng đã có tác động đáng kể đến độ che phủ rừng. Người dân tộc thiểu số bản địa và người dân di cư lấn chiếm đất lâm nghiệp để sản xuất nông nghiệp hoặc sử dụng tài nguyên rừng phục vụ mục đích thực phẩm và sinh kế.

- Giá một số mặt hàng nông sản có thời điểm tăng mạnh, dẫn đến tình trạng xâm lấn, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, lấy đất trồng những loài cây có giá trị thương phẩm cao, chưa chú trọng đến công tác trồng rừng.

b. Về chủ quan:

- Đất nông nghiệp được người dân sản xuất lâu đời, nằm xen kẽ, được đưa vào quy hoạch lâm nghiệp.

- Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành và các lực lượng có lúc, có nơi chưa kịp thời, chưa nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng. Việc thực hiện công tác giao đất, giao rừng và khoán bảo vệ rừng còn hạn chế, nên tình trạng lấn chiếm, tranh chấp đất rừng còn diễn ra.

- Một số địa phương còn xảy ra tình trạng mua bán, trao đổi đất đai của người đồng bào dân tộc thiểu số với người Kinh, làm cho người đồng bào dân tộc thiểu số không còn đất để canh tác, dẫn đến tình trạng xâm lấn, lấn chiếm diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp để sản xuất nông nghiệp.

II. Đánh giá tác động của sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp và việc thực thi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trên địa bàn huyện

Thực trạng sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp chưa mang lại hiệu quả nhiều mặt về sản xuất, thu nhập, kinh tế, xã hội, môi trường và an ninh quốc phòng. Phương thức canh tác chủ yếu còn thủ công, lạc hậu, thô sơ... cần có sự đầu tư khoa học, kỹ thuật, phương tiện hiện đại với chi phí cao mới mang lại hiệu quả.

Nhà nước đã ban hành các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với công tác trồng rừng, chuyển đổi cây trồng theo hướng trồng rừng (Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015, Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ

tướng Chính phủ) nhằm tăng độ che phủ của rừng, ứng phó với biến đổi khí hậu nên đã khuyến khích người dân chuyển đổi cây trồng theo hướng trồng rừng có hưởng lợi. Qua đó đã mang lại những hiệu quả tác động rất lớn về mặt kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh quốc phòng trên địa bàn.

Hiện nay, một phần diện tích sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp (528,38ha) đã được người dân trồng rừng theo đúng quy hoạch, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Điều này đã có tác động tích cực tới người dân trong công tác chuyển đổi cây trồng theo hướng trồng rừng, nhằm tăng độ che phủ rừng, tăng thu nhập, tạo việc làm cho người dân.

Phần 2

ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐẤT LÂM NGHIỆP

I. Dự báo xu hướng

Trong những năm trở lại đây, Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến công tác bảo vệ rừng và phát triển rừng bền vững và đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ, đầu tư bảo vệ rừng và phát triển rừng bền vững. Người dân đã nắm bắt, hiểu rõ và chấp hành đúng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chuyển đổi cây trồng và trồng rừng, tăng độ che phủ của rừng và hỗ trợ, tạo thu nhập cho người dân. Mặt khác, việc người dân tự đầu tư, tự bỏ vốn trồng rừng, cũng phản ánh được ý thức của người dân, giảm gánh nặng cho ngân sách Nhà nước trong việc hỗ trợ đầu tư trồng rừng.

II. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp:

1. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

Chuyển đổi cây trồng phù hợp với mục đích lâm nghiệp và trồng rừng trên diện tích đất rừng bị lấn chiếm từ năm 2020 – 2025: 300ha (mỗi năm 50ha).

2. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Điều tra thực trạng, thống kê tình hình người dân sử dụng đất, sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp: Tiếp tục triển khai công tác vận động kê khai đất lâm nghiệp bị lấn chiếm để đăng ký chuyển đổi cây trồng và trồng rừng phù hợp với mục đích lâm nghiệp. Trên cơ sở kết quả rà soát, kê khai và kiểm tra thực địa diện tích đất rừng bị xâm lấn, các chủ rừng tiến hành lập danh sách, phân loại hiện trạng, xác định mô hình phục hồi rừng cho từng loại hiện trạng.

- Thực hiện đầy đủ chính sách hỗ trợ phát triển cộng đồng, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số trong khu vực, để người dân yên tâm thực hiện nhiệm vụ phục hồi rừng bằng giải pháp trồng cây lâm nghiệp trên diện tích đất lâm nghiệp hiện đang được người dân sản xuất nông nghiệp.

- Tập trung giải quyết các vấn đề tồn tại, ổn định sản xuất, bố trí dân cư, phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường công tác bảo vệ rừng, nghiêm cấm việc chuyển đổi đất lâm nghiệp sang các mục đích khác khi chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt; tăng cường năng lực, trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng, hệ thống tổ chức quản lý

rừng, đồng thời xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan chuyên ngành lâm nghiệp các cấp, các cơ quan, đơn vị có chức năng phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Tăng cường công tác tuyên truyền vận động, nhân dân tích cực tham gia công tác quản lý, bảo vệ rừng; đổi mới hình thức tuyên truyền phong phú đa dạng, nội dung tuyên truyền phải được cập nhật chính sách, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đồng thời phải thiết thực và phù hợp với phong tục tập quán của từng địa phương, giúp người dân dễ hiểu và dễ thực hiện hơn.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện Luật Lâm nghiệp năm 2017; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và các văn bản chỉ đạo của tỉnh, huyện.

UBND huyện Đak Pơ báo cáo Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn biết, tổng hợp./

Nơi nhận:

- Sở NN&PTNT;
- L/đ UBND, VP;
- Phòng NN&PTNT;
- Phòng TN&MT;
- Hạt Kiểm lâm;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Huỳnh Văn Hơ



(Kèm theo Báo cáo số: 64/BC-UBND ngày 09/4/2020 của UBND huyện Đắk Pơ)

TT	HẠNG MỤC	ĐVT	SỐ LƯỢNG		GHI CHÚ
			Năm 2011	Năm 2019	
A	Tổng diện tích tự nhiên	ha	50.373,35	50.253,21	
I	Đất nông nghiệp	ha	43.479,18	41.964,59	
1	Trồng cao su	ha	0	0	
2	Trồng cà phê	ha	0	0	
3	Sản xuất hồ tiêu	ha	0	0	
4	Trồng cây lâu năm	ha	1.145,68	1.881,25	
5	Các cây trồng khác	ha	16.142,59	15.923,65	
II	Đất lâm nghiệp	ha	26.190,91	24.159,69	
	Đất rừng đặc dụng	ha	0	0	
	Đất rừng phòng hộ	ha	10.119,42	10.402,78	
	Đất rừng sản xuất	ha	16.071,49	13.756,91	
B	Sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp	ha			
I	Diện tích	ha	5.882,18	3.303,37	
1	Trồng cao su	ha			
2	Trồng cà phê	ha			
3	Trồng hồ tiêu	ha			
4	Trồng cây ăn quả	ha			
5	Các cây trồng khác	ha	5.882,18	3.303,37	
II	Đối tượng				
1	Hộ gia đình	Hộ	334	682	
	- Tại chỗ	Hộ	273	514	
	- Di cư đến	Hộ	61	168	
2	Tổ chức, doanh nghiệp	đơn vị	0	0	
III	Nguồn gốc				
1	Trước quy hoạch lâm nghiệp	ha	5.882,18	3.303,37	
2	Lấn chiếm sau quy hoạch lâm nghiệp	ha	0	0	
C	Đất ở trên quy hoạch đất lâm nghiệp	ha			
1	Diện tích	ha	0	0	
2	Số hộ gia đình, cá nhân	Hộ	0	0	

[Handwritten signature]

